

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022  
của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tư Nghĩa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”;*

*Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các sở, ban ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của UBND huyện và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tư Nghĩa.*

*Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số CCHC năm 2022 của UBND các xã, thị trấn ngày 19/11/2022 và đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện, cơ quan Thường trực Hội đồng đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn năm 2022 tại Công văn số 458/PNV ngày 24/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tư Nghĩa (chi tiết tại các Biểu mẫu kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2022, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức tổng kết, quán triệt, rút kinh nghiệm; đưa kết quả Chỉ số cải cách hành chính là một trong những nội dung kiểm tra cải cách hành chính quan trọng; có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính trong những năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng huyện; Trưởng phòng Nội vụ huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *dm*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Chỉ đạo CCHC huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Vinh**

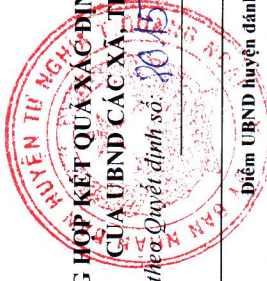
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022  
CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Quyết định số: 8015/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện)

TT	Tên đơn vị	Kết quả đánh giá năm 2022				Xếp hạng
		Điểm tự đánh giá của xã, thị trấn (tối đa 69 điểm)	Điểm Hội đồng đánh giá (tối đa 69 điểm)	Điểm điều tra XHH (tối đa 31 điểm)	Tổng điểm đạt được (tối đa 100 điểm)	
1	Thị trấn La Hà	69.00	65.49	23.35	<b>88.84</b>	<b>1</b>
2	Xã Nghĩa Điền	67.00	61.68	26.70	<b>88.38</b>	<b>2</b>
3	Xã Nghĩa Hòa	63.55	60.69	26.90	<b>87.59</b>	<b>3</b>
4	Thị trấn Sông Vệ	62.01	61.66	25.60	<b>87.26</b>	<b>4</b>
5	Xã Nghĩa Trung	67.00	60.00	25.90	<b>85.90</b>	<b>5</b>
6	Xã Nghĩa Phương	61.40	61.18	24.60	<b>85.78</b>	<b>6</b>
7	Xã Nghĩa Lâm	58.38	58.48	24.60	<b>83.08</b>	<b>7</b>
8	Xã Nghĩa Hiệp	63.06	58.78	23.35	<b>82.13</b>	<b>8</b>
9	Xã Nghĩa Kỳ	64.38	58.99	22.50	<b>81.49</b>	<b>9</b>
10	Xã Nghĩa Thương	61.98	57.99	23.50	<b>81.49</b>	<b>9</b>
11	Xã Nghĩa Mỹ	65.50	59.20	22.10	<b>81.30</b>	<b>11</b>
12	Xã Nghĩa Thắng	61.30	57.19	22.90	<b>80.09</b>	<b>12</b>
13	Xã Nghĩa Thuận	58.60	57.50	21.70	<b>79.20</b>	<b>13</b>
14	Xã Nghĩa Sơn	57.79	55.00	20.75	<b>75.75</b>	<b>14</b>
<b>Điểm trung bình</b>		<b>62.92</b>	<b>59.56</b>	<b>23.89</b>	<b>83.45</b>	

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2022  
CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN CHIA THEO TỪNG LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 1015/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND huyện)



TT	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (tối đa 9,0 điểm)		XD và tổ chức thực hiện văn bản OPPL tại xã (tối đa 6,0 điểm)		Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 15,0 điểm)		Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa 4,5 điểm)		XD và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (tối đa 11,0 điểm)		Cải cách tài chính công (tối đa 7,5 điểm)		Phát triển chính quyền tối chính quyền số (tối đa 13,00 điểm)		Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của xã (tối đa 3,0 điểm)		Tổng điểm đánh giá 8 tiêu chí (tối đa 69 điểm)		Điểm tra điều tra XHH (tối đa 31 điểm)		Tổng cộng điểm đánh giá và điều tra XHH (tối đa 100 điểm)		Xếp hạng
	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm		
																						Điểm	
1	7,50	1	6,00	1	14,49	5	4,50	1	11,00	1	7,50	1	12,00	1	2,50	1	65,49	1	23,35	88,84	1		
2	6,00	10	6,00	1	14,48	11	4,50	1	10,70	10	7,50	1	10,00	2	2,50	1	61,68	2	26,70	88,38	2		
3	5,00	14	6,00	1	14,49	5	4,50	1	10,70	10	7,50	1	10,00	2	2,50	1	60,69	5	26,90	87,59	3		
4	6,50	2	6,00	1	14,50	1	4,50	1	11,00	1	7,50	1	9,16	6	2,50	1	61,66	3	25,60	87,26	4		
5	6,50	2	6,00	1	14,50	1	4,50	1	11,00	1	7,50	1	7,50	8	2,50	1	60,00	6	25,90	85,90	5		
6	6,50	2	6,00	1	14,49	5	4,50	1	11,00	1	7,29	14	9,23	5	2,17	9	61,18	4	24,60	85,78	6		
7	6,50	2	6,00	1	14,49	5	4,50	1	11,00	1	7,49	13	7,00	9	1,50	10	58,48	10	24,60	83,08	7		
8	6,50	2	6,00	1	14,49	5	4,50	1	9,00	14	7,50	1	9,29	4	1,50	10	58,78	9	23,35	82,13	8		
9	6,50	2	6,00	1	13,49	14	4,50	1	11,00	1	7,50	1	8,50	7	1,50	10	58,99	8	22,50	81,49	9		
10	6,00	10	5,00	12	14,49	5	4,50	1	11,00	1	7,50	1	7,00	9	2,50	1	57,99	11	23,50	81,49	9		

TT	UBND xã, thị trấn /Tiêu chí	Điểm UBND huyện đánh giá các tiêu chí																Xếp hạng							
		Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (tối đa 9,0 điểm)		XD và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại xã (tối đa 6,0 điểm)		Cải cách thủ tục hành chính (tối đa 13,0 điểm)		Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (tối đa +5 điểm)		XD và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (tối đa 11,0 điểm)		Cải cách tài chính công cấp xã (tối đa 7,5 điểm)		Phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số (tối đa 13,00 điểm)		Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và phát triển KT-XH của xã (tối đa 3,0 điểm)			Tổng điểm đánh giá 8 tiêu chí (tối đa 69 điểm)		Điểm điều tra XHH (tối đa 31 điểm)		Tổng cộng điểm đánh giá và điều tra XHH (tối đa 100 điểm)		
11	Xã Nghĩa Mỹ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	11
		6,50	2	6,00	1	14,50	1	4,50	1	10,70	10	7,50	1	7,00	9	2,50	1	59,20	7	22,10	7	81,30	7	22,10	11
12	Xã Nghĩa Thắng	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	12
		6,00	10	6,00	1	13,99	12	4,50	1	10,70	10	7,50	1	6,00	14	2,50	1	57,19	13	22,90	13	80,09	13	22,90	12
13	Xã Nghĩa Thuận	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	13
		6,50	2	5,00	12	14,50	1	4,50	1	11,00	1	7,50	1	7,00	9	1,50	10	57,50	12	21,70	12	79,20	12	21,70	13
14	Xã Nghĩa Sơn	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	Vị thứ	Điểm	14
		6,00	10	4,00	14	13,50	13	4,50	1	11,00	1	7,50	1	7,00	9	1,50	10	55,00	14	20,75	14	75,75	14	20,75	14
<b>Điểm trung bình</b>		6,32		5,71		14,31		4,50		10,77		7,48		8,33		2,12		59,56		23,89		83,45		23,89	14
<b>Giá trị trung bình</b>		70,24		95,24		95,43		100,00		97,92		99,79		75,77		70,63		86,32		77,06		83,45		77,06	14